

Bản án số: 644/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2024
V/v Ly hôn giữa bà P và ông H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Bình Minh.

2. Ông Lâm Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Minh Tú P, sinh năm 1987; địa chỉ: đường L, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Vi H, sinh năm 1985; địa chỉ: đường M, Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Minh Tú P trình bày:

Bà P và ông Lâm Vi H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 71/2014, quyển số: 01/2014, đăng ký ngày 18/11/2014.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Lâm Hân K, sinh ngày 23/11/2017 và Lâm Gia H, sinh ngày 05/12/2019.

Trong quá trình chung sống với nhau, bà P và ông H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên thường xảy ra tranh cãi. Bà P cho rằng ông H không quan tâm, chăm lo cho gia đình, con cái. Vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, cả hai đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay nhưng ông H không một lần thăm hỏi hoặc chu cấp tiền nuôi con. Bà P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là trẻ Lâm Hân Kỳ, sinh ngày 23/11/2017 và Lâm Gia Hy, sinh ngày 05/12/2019. Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Minh Tú P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến bà đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Về phía bị đơn: Ông Lâm Vi H hiện đang cư trú tại địa chỉ số đường M, Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy trong suốt quá trình chung sống bà P và ông H thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm. Tại các buổi hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H không tham gia, chứng tỏ ông H không có thiện chí muốn đoàn tụ với bà P. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông H là trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu xin ly hôn của bà P có cơ sở chấp nhận; về con chung: 02 con chung tên là Lâm Hân K, sinh ngày 23/11/2017 và Lâm Gia H, sinh ngày 05/12/2019. Cả hai con chung hiện nay đang sống cùng với bà P, do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay trẻ K và trẻ H vẫn thực tế chung sống với mẹ, được chăm sóc và có cuộc sống ổn định. Do đó, nghĩ nên giao trẻ K và trẻ H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Minh Tú P có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lâm Vi H, theo Đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại Phiếu trả lời xác minh của Công an Phường 9, Quận 11 thì ông H hiện đang thực tế cư trú tại Quận 11. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Minh Tú P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Lâm Vi H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H đều vắng mặt, không đến Tòa giải quyết. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Minh Tú P và ông Lâm Vi H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 71/2014, quyền số: 01/2014, đăng ký ngày 18/11/2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà P và ông H chung sống với nhau có 02 con chung tên là Lâm Hân K, sinh ngày 23/11/2017 và Lâm Gia H, sinh ngày 05/12/2019.

Mâu thuẫn giữa bà P và ông H phát sinh nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống mà không thể giải quyết được. Ông H không quan tâm đến gia đình, con cái. Vợ, chồng không có sự quan tâm, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Cả hai ông bà đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Bà P nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông H.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H. Ông H biết nội dung khởi kiện và yêu cầu của bà P nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến phiên tòa hôm nay ông H đều không đến Tòa để giải quyết. Điều đó cho thấy ông H cũng không có thiện chí muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Minh Tú P.

[4] *Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung:* Bà P và ông H chung sống có 02 con chung tên là Lâm Hân K, sinh ngày 23/11/2017 và Lâm Gia H, sinh ngày 05/12/2019. Hiện nay cả 02 trẻ K và trẻ H đang ở cùng với bà P, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao trẻ K và trẻ H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Lâm Hân K và trẻ Lâm Gia H. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Vi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Minh Tú P khai không có, ghi nhận lời khai của bà P xác định bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Minh Tú P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Minh Tú P. Cho ly hôn giữa bà Minh Tú P và ông Lâm Vi H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 71/2014, quyền số: 01/2014, đăng ký ngày 18/11/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ Lâm Hân K, sinh ngày 23/11/2017 và trẻ Lâm Gia H, sinh ngày 05/12/2019 cho bà Minh Tú P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Vi H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Minh Tú P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

0023023 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; bà P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Phúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 20 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Bình Minh.
2. Ông Lâm Huỳnh Độ.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 397/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Minh Tú P, sinh năm 1987; địa chỉ: 115/23/4 đường Lò Siêu, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lâm Vi H, sinh năm 1985; địa chỉ: 418/50 đường Minh Phụng, Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Minh Tú P. Cho ly hôn giữa bà Minh Tú P và ông Lâm Vi H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 71/2014, quyền số: 01/2014, đăng ký ngày 18/11/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ **Lâm Hân Kỳ, sinh ngày 23/11/2017 và trẻ Lâm Gia Hy, sinh ngày 05/12/2019** cho bà Minh Tú P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Vi H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Minh Tú P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0023023 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; bà P đã nộp đủ án phí.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phúc